

Land&Life

Vol.11

LƯU HÀNH NỘI BỘ



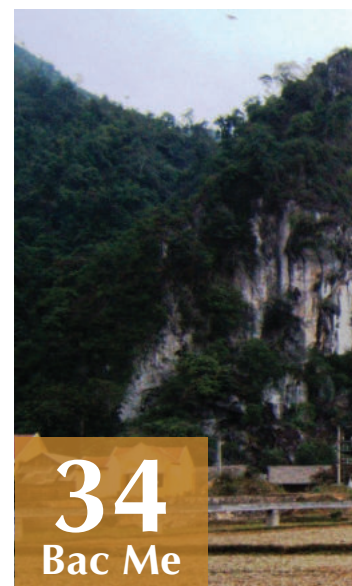
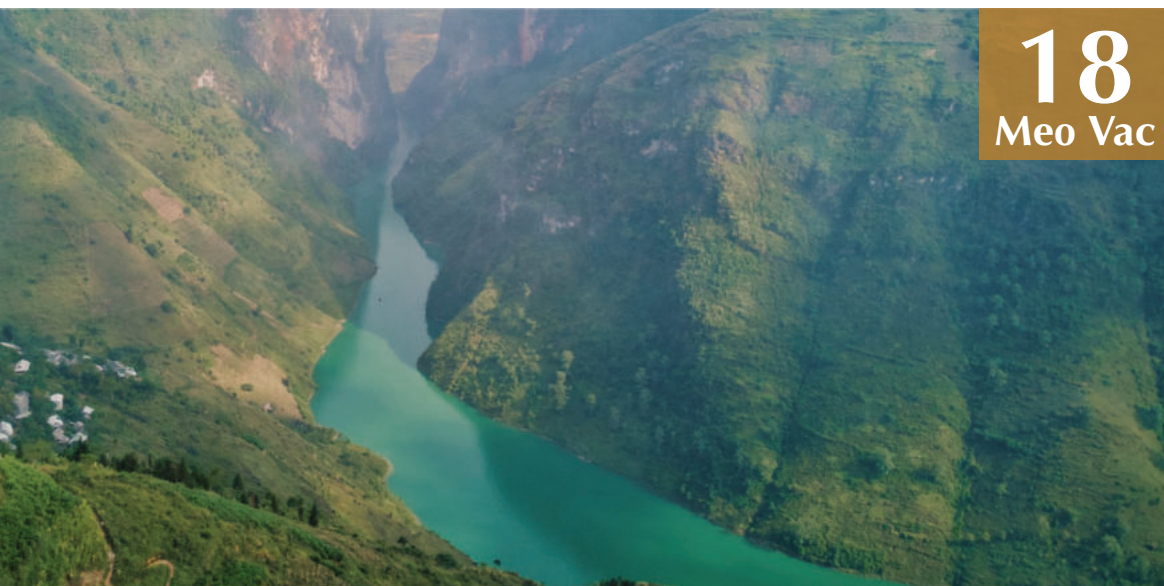
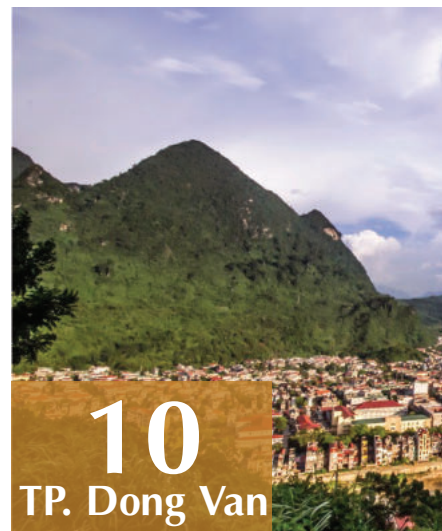
HÀ GIANG (2020 - 2025)

- ✓ Bản đồ hành chính huyện/thành phố
- ✓ Chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2020 - 2025





30
Vi Xuyen





48
Quang Binh



40
Xi Man



44
Bac Quang



8
Su Phi



Greeting

From Editor!

Quý độc giả thân mến,

Chúng ta đang đi những bước đi đầu tiên của thập kỷ thứ ba của thế kỷ XXI. Đặc biệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã thông qua với những chiến lược phát triển quốc gia cho giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 – mốc 100 năm thành lập Đảng và năm 2045 – kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong số này, chúng ta cùng đi tìm hiểu về tỉnh Hà Giang với những định hướng phát triển trong thập kỷ mới.

Hà Giang là một tỉnh miền núi biên giới ở cực bắc của Tổ quốc với đường biên giới dài 274 km, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng và an ninh. Phát huy tiềm năng Công viên Địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn, di sản ruộng bậc thang Hoàng Su Phì và nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử đặc sắc và bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc, tỉnh Hà Giang đã trở thành một trong những điểm du lịch hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, đứng trước những thời cơ và những thách thức mới, Hà Giang định hướng xây dựng tỉnh phát triển về thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp đặc trưng hàng hóa; đến năm 2025 là tỉnh có kinh tế - xã hội phát triển khá trong khu vực miền núi phía Bắc; đến năm 2030 là tỉnh có kinh tế - xã hội phát triển khá trong khu vực Trung du miền núi phía Bắc; đến năm 2045 là tỉnh có kinh tế - xã hội trung bình khá của cả nước

Các chỉ tiêu phát triển cụ thể sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!

BAN BIÊN TẬP


Ho Mau Tuan



Chịu trách nhiệm nội dung

VNMedia

Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Hội đồng biên tập

Hồ Mậu Tuấn

Nguyễn Bích Sơn

Nguyễn Thu Thủy

Đỗ Việt Hà

Phạm Hồng Hà

Nguyễn Nguyễn Quang Trung

Đặng Thị Hà Vân

Lê Hoàng

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng

facebook.com/iirr.com | www.iirr.vn

HÀ GIANG

VỊ TRÍ

Tỉnh Hà Giang thuộc vùng Trung du miền núi Bắc bộ, có tọa độ địa lý 22°49'00"B và 104°58'51"Đ.

Phía bắc và tây giáp Trung Quốc với đường biên giới dài 274 km; phía đông giáp tỉnh Cao Bằng; phía nam giáp tỉnh Tuyên Quang; phía tây và tây nam giáp tỉnh Lào Cai và Yên Bái.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích: 7.929,483 km²

Dân số trung bình: 854.679 người

Mật độ dân số: 108 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

ĐVHC cấp huyện, thị xã, thành phố: 11, gồm thành phố Hà Giang và 10 huyện (Bắc Mê, Bắc Quang, Đồng Văn, Hoàng Su Phì, Mèo Vạc, Quản Bạ, Quang Bình, Vị Xuyên, Xín Mần, Yên Minh).

ĐVHC cấp xã: 193, gồm 175 xã, 05 phường và 13 thị trấn.

ĐVHC cấp xã, phường, thị trấn: 71, gồm 60 xã, 06 phường và 05 thị trấn.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH HÀ GIANG



Bản đồ hành chính tỉnh Hà Giang (Ảnh: Quecui)

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng, chăm lo đời sống nhân dân. Đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, đưa kinh tế - xã hội Hà Giang phát triển khá trong khu vực miền núi phía Bắc.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐẾN TẦM NHÌN

Kinh Tế

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP giá so sánh) bình quân 8,0%.
- Tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người 55 triệu đồng/năm.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn: 55.000 tỷ đồng.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 4.000 tỷ đồng.
- Thu hút khách du lịch đạt 3,0 triệu lượt người.
- Giá trị sản phẩm trồng trọt thu hoạch bình quân/ha đất canh tác đạt 60 triệu đồng.
- Tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp đạt 35%.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân 7,2%/năm.
- Tổng giá trị hàng hóa xuất - nhập khẩu qua cửa khẩu đạt 500 triệu USD.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng bình quân hàng năm 8,0%/năm.
- Tăng trưởng tín dụng hàng năm đạt 8,0%/năm.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 30%.

Xã Hội

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy tích) đạt 100%.
- Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%.
- Tỷ lệ thôn biên giới có điện đạt tiêu chuẩn mới đạt 100%.
- Tỷ lệ thôn biên giới có đường đạt tiêu chuẩn mới đạt 100%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 1,25%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 60%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 60%.
- Tỷ lệ duy trì sỹ số học sinh hằng năm đạt 100%.
- Duy trì bình quân 10,5 bác sĩ/1 vạn dân.
- Bình quân có 45 giường bệnh/1 vạn dân.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,25%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng nặng giảm còn 16%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng xin đạt 95%.
- Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận đạt 65%.
- Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình hạnh phúc đạt 75%.
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan đơn vị đạt toàn về an ninh trật tự đạt trên 95%.

PHÁT TRIỂN CHÍNH NĂM 2025 ĐẾN NĂM 2030

Môi Trường

- Tỷ lệ che phủ rừng 60%.
- Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 96%.
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt trên 96%.
- Tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt trên 90%.

Đảng

- Hàng năm, trên 90% tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- Hàng năm, trên 95% Đảng viên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- Trên 95% xã, phường, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ GIANG



Diện tích: 133
Dân số trung bình:
Mật độ dân số: 41

VỊ TRÍ

Thành phố Hà Giang là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, vùng kinh tế động lực của tỉnh Hà Giang.

Phía Đông giáp huyện Bắc Mê;

Phía Tây, Nam, Bắc giáp huyện Vị Xuyên.



Nguồn: phontooc.com

Toàn cảnh thành phố Hà Giang

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Hà Giang có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 5 phường: Minh Khai, Ngọc Hà, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Trần Phú và 3 xã: Ngọc Đường, Phương Độ, Phương Thiện.

& DÂN SỐ

8,459 km²

55.559 người

6 người/km²



*Cột mốc số 0 tại thành phố Hà Giang
(Ảnh: Thái Nhi)*

Kinh Tế

1. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 670 tỷ đồng.
2. Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 100 triệu đồng.
3. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 6.700 tỷ đồng.
4. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội trên 11.000 tỷ đồng.
5. Thu hút khách du lịch đến năm 2025 đạt trên 2,2 triệu lượt khách.

Văn hoá - Xã hội

1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo mức dưới 0,1% (chỉ hiện hành).
2. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia
3. 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu
4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo và có việc trên 85%.

Môi Trường

1. Duy trì tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước vệ sinh đạt 100%.
2. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh 98%.
3. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 71%.

Hệ thống Chính trị

Trên 95% xã, phường, cơ quan, đơn vị chuẩn về an ninh trật tự.

Phát triển Đô thị

1. Tỷ lệ đô thị hóa trên 85%.
2. Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu, quy chi tiết đạt 70%
3. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng chính đạt 50%.
4. Tỷ lệ các đường phố chính có điện chiếu sáng 100%.
5. Tỷ lệ các ngõ, xóm có điện chiếu sáng trở lên.
6. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố, bán kiên cố
7. Mật độ đường cống thoát nước c km/km2.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực xã hội, phát triển tiềm năng, lợi thế, giải pháp đột phá phát triển kinh tế thương mại, dịch vụ, du lịch theo hướng phát triển nhanh và bền vững.

Tập trung phát triển đô thị, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Bảo tồn, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu xây dựng Hà Giang đến năm 2025 đạt tiêu chí đô thị loại II, đến năm 2030, trở thành đô thị văn minh; đến năm 2045, thành phố trở thành đô thị thông minh, đậm đà bản sắc dân tộc Hà Giang.



HUYỆN ĐỒNG VĂN

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đồng Văn có 19 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Đồng Văn (huyện lỵ), Phố Bảng và 17 xã: Hồ Quang Phìn, Lũng Cú, Lũng Phìn, Lũng Táo, Lũng Thầu, Ma Lé, Phố Cáo, Phố Là, Sà Phìn, Sảng Tủng, Sính Lủng, Sủng Là, Sủng Trái, Tả Lủng, Tả Phìn, Thái Phìn Tủng, Văn Chải.

VỊ TRÍ

Đồng Văn là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Hà Giang và là điểm cực bắc của Tổ Quốc, có tọa độ từ 22°55' đến 23°23' bắc; vĩ độ 105°42' độ kinh đông và đường biên giới tiếp giáp với nước CHND Trung Hoa dài trên 52 km với vị trí giáp ranh như sau:

Phía Bắc và Đông bắc tiếp giáp nước CHND Trung Hoa.
Phía Đông và Đông Nam tiếp giáp huyện Mèo Vạc.
Phía Tây và Tây Nam tiếp giáp huyện Yên Minh.



Bản đồ hành chính huyện Đồng Văn

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 451,712 km²

Dân số trung bình: 81.880 người

Mật độ dân số: 181 người/km²



Ảnh : Dũng Lại

- Phấn đấu 100% người dân tham gia BHYT, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ở mức 18,56%.
- Trên 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; trên 70% hộ gia đình khu vực nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi gia súc, hợp vệ sinh đạt 60-65%.
- 75% trở lên tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 60% trở lên tỷ lệ thôn, tổ đạt tiêu chuẩn văn hóa.
- 90% hộ dân được tiếp cận, cung cấp đầy đủ thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Hoàn thành điều chỉnh đến năm 2025 và định 17/17 xã.
- Có 003/17 xã đạt ch 17,6%.
- Số thôn đạt chuẩn Nông số thôn đạt chuẩn nông huyện 29 thôn/197 thôn
- Thu nhập bình quân đồng/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 6%/năm (đến năm 20 huyện ở mức 12,25%).
- 41% số xã nông thôn sinh môi trường, tương

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

- Xây dựng kết cấu hạ tầng: Các công trình giao thông, đến các trung tâm xã, đường trục xã được bảo dưỡng thường xuyên, cứng hóa 100% các tuyến đường đến các trung tâm thôn, đường trục thôn, liên thôn, đường ngõ xóm đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa 17/17 xã đạt tiêu chí giao thông; 100% thôn có điện, 17/17 xã đạt tiêu chí về điện, trên 41% số xã đạt chuẩn về trường học. 100% số xã đạt chuẩn về trạm y tế, các công trình trên địa bàn xã do nhân dân trực tiếp được tham gia thực hiện xây dựng Nông thôn mới.



BẢN ĐỒ HUYỆN MÈO VẠC



HUYỆN MÈO VẠC

VỊ TRÍ

Huyện Mèo Vạc là huyện vùng cao núi đá phía Bắc của tỉnh Hà Giang, cách thành phố Hà Giang 164km. Là huyện nằm trong địa bàn Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn.

Vị trí địa lý của huyện nằm trong tọa độ từ 22°22' - 33°19' vĩ độ Bắc, 105°12' - 105°24' kinh độ Đông.

Phía Bắc của huyện giáp với Trung Quốc và huyện Đồng Văn (Hà Giang)

Phía Đông giáp với huyện Bảo Lâm (Cao Bằng);

Phía Tây và phía Nam giáp với huyện Yên Minh (Hà Giang).

Huyện có đường biên giới tiếp giáp với tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 574,182 km²

Dân số trung bình: 86.071 người

Mật độ dân số: 150 người/km²



Một góc Làng Văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông thôn Pả Vi Hạ, xã Pả Vi (Mèo Vạc)
(Nguồn: vietnamtourism.gov.vn)

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Mèo Vạc có 18 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: thị trấn Mèo Vạc và 17 xã (Thượng Phùng, Pải Lũng, Xín Cái, Pả Vi, Giàng Chu Phìn, Sủng Trà, Sủng Máng, Sơn Vĩ, Tả Lũng, Cán Chu Phìn, Lũng Pù, Lũng Chinh, Tát Ngà, Nậm Ban, Khâu Vai, Niêm Tòng, Niêm Sơn).

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH NĂM 2021

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 168,183 tỷ đồng.
2. Tổng thu nhập bình quân đầu người đạt 24 triệu đồng.
3. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 36,05%.
4. Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí nông thôn mới 16 xã.
5. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện giảm 6,0%.
6. Giải quyết việc làm cho người lao động 1.377 lao động.
7. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,48%.
8. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin 95%.

9. Tỷ lệ huy động h 98,25%.
10. Duy trì sĩ số học cấp học trên 97%
11. Tỷ lệ trẻ em dưới (theo cân nặng) g
12. Tỷ lệ thôn, tổ dân làng văn hóa 63,3
13. Tỷ lệ gia đình đư văn hóa 65%.
14. Đảm bảo công tá sự địa phương.
15. Tỷ lệ xã, thị trấn, an toàn về an ninh
16. Tỷ lệ tai nạn gia chí (số vụ, người c
17. Chỉ số cải cách h
18. 100% các đơn v bàn huyện đảm b ninh trong thời Đảng các cấp và Quốc hội và HĐND

19. Đánh giá tổ chức chính quyền xếp loại khá.
20. Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 90% trở lên.
21. Tỷ trọng Nông - lâm - thủy sản là 29,42%; Thương mại - dịch vụ tăng lên 30,81%; Tỷ trọng Công nghiệp - xây dựng tăng lên 39,76%.
22. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 51%, số lao động được giải quyết việc làm bình quân hàng năm 1.100 người.
23. 7/17 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

ọc sinh 6-14 tuổi đến

sinh hàng ngày ở các
b.

5 tuổi suy dinh dưỡng
giảm 21,9%.

n phố được công nhận
31%.

ợc công nhận gia đình

c quốc phòng và quân

cơ quan đạt tiêu chuẩn
h trật tự 96%.

o thông giảm cả 3 tiêu
chết, bị thương).

ành chính xếp loại khá.

ị, địa phương trên địa
ảo tuyệt đối an toàn, an
gian diễn ra Đại hội
cuộc bầu cử Đại biểu
ND các cấp.



HUYỆN YÊN MINH

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Mèo Vạc có 18 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: thị trấn Yên Minh và 17 xã (Thắng Mổ, Phú Lũng, Sủng Cháng, Bạch Đích, Na Khê, Sủng Thái, Hữu Vinh, Lao Và Chải, Mậu Duệ, Đông Minh, Mậu Long, Ngam La, Ngọc Long, Đường Thượng, Lũng Hồ, Du Tiến, Du Già).

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 776,588 km²

Dân số trung bình: 97.553 người

Mật độ dân số: 126 người/km²



VỊ TRÍ

Yên Minh là một huyện vùng cao núi đá, biên giới phía Bắc của tỉnh Hà Giang.

Phía Bắc giáp huyện Đồng Văn và Trung Quốc;

Phía Nam giáp tỉnh Cao Bằng và huyện Bắc Mê;

Phía Tây giáp huyện Quản Bạ và Vị Xuyên;

Phía Đông giáp huyện Đồng Văn và Mèo Vạc.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Tích cực k hai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo sự phát triển toàn diện, bền vững.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc trưng có giá trị kinh tế cao, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Phát triển mạnh thương mại, dịch vụ, du lịch; bảo tồn, khôi phục và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.

Nâng cao dân trí, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, giảm nghèo nhanh và bền vững.



Bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh.

Phấn đấu đến năm 2025, là huyện trung bình so với các huyện biên giới của tỉnh Hà Giang.

Đến năm 2030 huyện Yên Minh thoát khỏi huyện nghèo, phấn đấu trở thành huyện trung bình khá so với các huyện biên giới của tỉnh và đến năm 2045, trở thành huyện khá so với các huyện biên giới của tỉnh Hà Giang”.





Rừng thông Yên Minh
(Nguồn: foox.vn)

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

- 1 Thu nhập bình quân đầu người đạt 40 triệu đồng/người/năm.
- 2 Thu hút khách du lịch 150 nghìn lượt người.
- 3 Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân năm 6%, có thêm 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

4 Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên từ huyện đến cơ sở.

5 Xây dựng nông thôn mới, gắn với phát triển đô thị, trọng tâm là hoàn thành tiêu chí đô thị loại 4 đối với thị trấn Yên Minh.

6 Bảo tồn, khôi phục và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc.

7 Tạo sinh kế cho người dân, nâng cao thu nhập, giảm nghèo nhanh và bền vững, gắn với Chương trình xây dựng Nông thôn mới.

8 Đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông và hạ tầng du lịch.

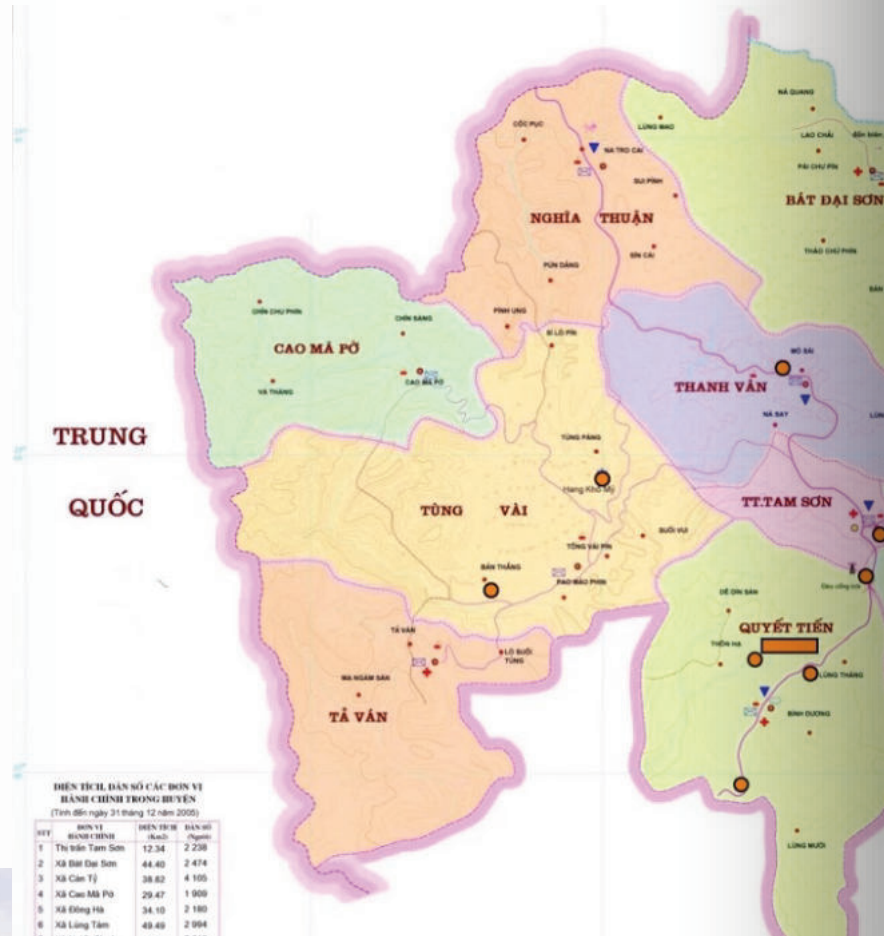
9 Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch...



HUYỆN QUẢN BẠ

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Quản Bạ được hợp thành với 13 đơn vị hành chính, trung tâm kinh tế, chính trị của huyện là thị trấn Tam Sơn và 12 xã: Quản Bạ, Đông Hà, Lũng Tám, Thái An, Cán Tỷ, Bát Đại Sơn, Thanh Vân, Nghĩa Thuận, Tùng Vài, Tả Ván, Cao Mã Pờ, Quyết Tiến.



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 776,588 km²

Dân số trung bình: 97.553 người

Mật độ dân số: 126 người/km²

VỊ TRÍ

Huyện Quảng Bạ nằm ở phía Bắc tỉnh Hà Giang, có địa giới hành chính: Phía Bắc và phía Tây giáp Trung Quốc. Phía Đông giáp huyện Yên Minh. Phía Nam giáp huyện Vị Xuyên.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030



- Phấn đấu có 100% hộ gia đình đạt chuẩn cấp xã, 95% có trình độ phổ thông
- 80% bí thư chi bộ, chủ tịch UBND xã, học phổ thông, trình độ chuyên môn, chính trị trung cấp trở lên
- Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 10 triệu đồng/người
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 10%
- 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới



Phấn đấu đến năm 2025, Quản Bạ là huyện khá trong tỉnh. Đến năm 2030, huyện đạt chuẩn nông thôn mới và đến năm 2045 là huyện vùng cao phát triển của tỉnh Hà Giang.

Đến năm 2025, huyện có 100% cán bộ chủ chốt có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

Trưởng thôn có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên và 90% có trình độ sơ cấp trở lên.

Bình quân đầu người đạt 45 triệu đồng/năm.

Giảm nghèo giảm bình quân 6%/năm.

Chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt nông thôn mới lên 6 xã...





*Dốc Bắc Sum
xã Tân Minh, huyện Vị Xuyên*

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Gồm 2 thị trấn, và 22 xã:

Thị trấn Vị Xuyên và thị trấn Nông trường Việt Lâm,
Các xã: Bạch Ngọc, Ngọc Minh, Trung Thành, Ngọc Linh, Linh Hồ, Việt Lâm, Đạo Đức, Phú Linh, Quảng Ngần, Thượng Sơn, Cao Bồ, Kim Linh, Kim Thạch, Phương Tiến, Lao Chải, Xín Chải, Thanh Đức, Thanh Thủy, Minh Tân, Phong Quang, Thuận Hòa, Tùng Bá.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 1.478,409 km²

Dân số trung bình: 110.465 người

Mật độ dân số: 75 người/km²

VỊ TRÍ

Vị Xuyên là một huyện biên giới phía Bắc của tỉnh Hà Giang, là huyện miền núi biên giới nằm bao quanh thành phố Hà Giang. Phía Bắc giáp huyện Quản Bạ; Phía Tây giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và huyện Hoàng Su Phì; Phía Nam giáp huyện Bắc Quang; Phía Đông là thành phố Hà Giang và huyện Na Hang (Tuyên Quang).



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH NĂM 2021

- Nâng cao giá trị sản xuất bằng phát triển hàng hóa nông nghiệp chất lượng cao, theo chuỗi giá trị, tích cực thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng cây chè, thảo quả.
- Phát huy nội lực tiếp tục xây dựng Nông thôn mới nâng cao, xây dựng các thôn Nông thôn mới kiểu mẫu.
- Phát triển du lịch cộng đồng, du lịch lịch sử, du lịch nông nghiệp. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn tín dụng cho phát triển nông nghiệp, nâng cao ý thức, trách nhiệm của tuổi trẻ trong công tác giảm nghèo, xây dựng Nông thôn mới.
- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong lãnh đạo phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ gắn với phát triển kinh tế, xây dựng Nông thôn mới.
- Phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong bảo đảm an ninh trật tự, biên giới, giữ vững chủ quyền quốc gia



Đài
(nguồn: petrov)

- 1 Mở rộng q
công tác q
- 2 Bảo đảm a
toàn xã hộ
biên giới q



hương 468
(vietnam.petrotimes.vn)

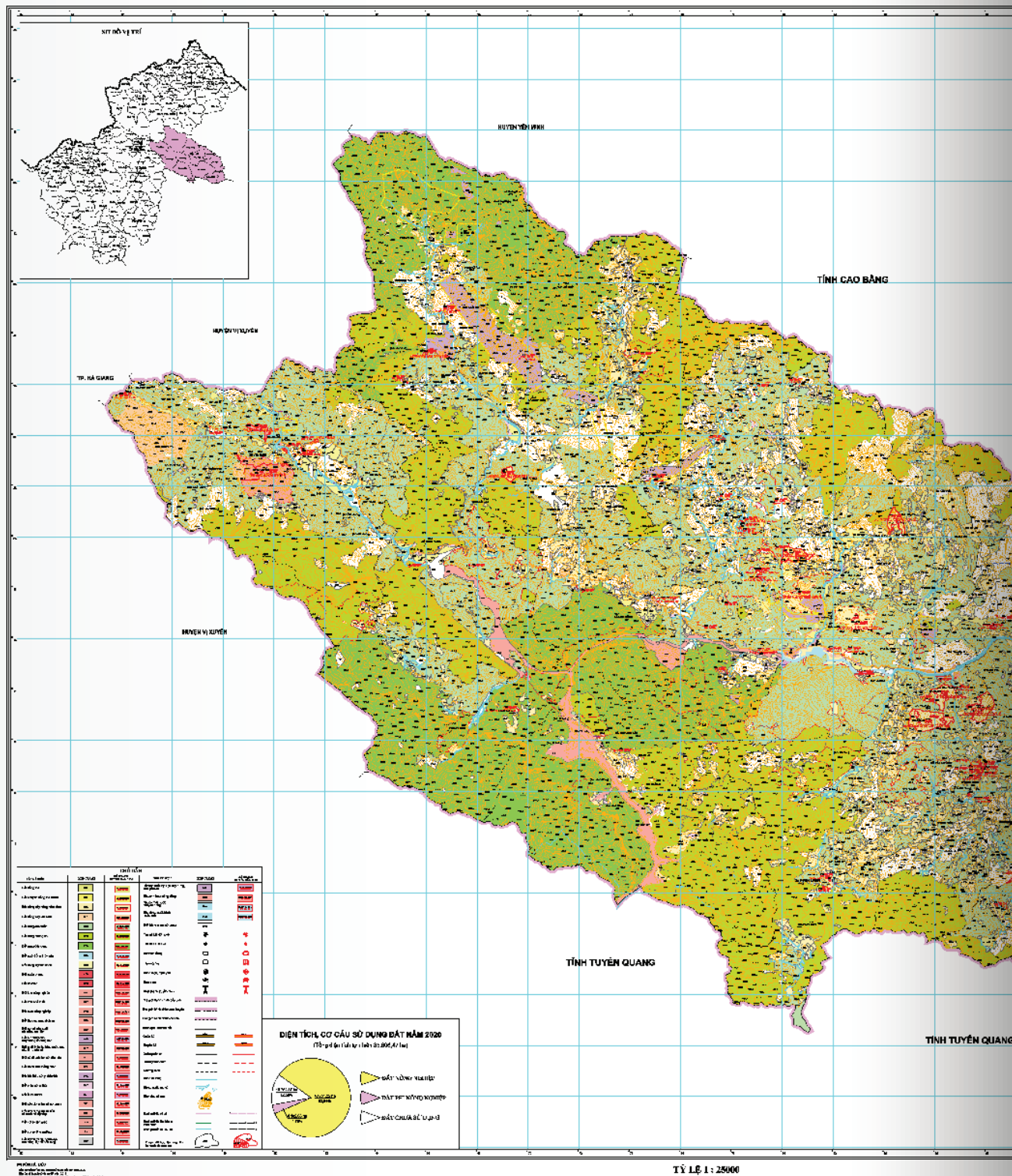
quan hệ đối ngoại, tăng cường
quốc phòng, an ninh.

an ninh chính trị và trật tự an
i, bảo vệ vững chắc chủ quyền
quốc gia.

- 3 Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, trong đó tập trung nguồn lực ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng phục vụ phát triển thương mại, du lịch.
- 4 Khai thác hiệu quả các tiềm năng thế mạnh gắn với cải cách hành chính.
- 5 Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị.
- 6 Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững.
- 7 Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết, hợp tác giữa nông dân - tổ sản xuất - hợp tác xã - doanh nghiệp.
- 8 Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển. Phát triển văn hóa, xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo sinh kế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân

HUYỆN BẮC MÊ

BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT BỔ SUNG HUYỆN BẮC MÊ - TỈNH HÀ GIANG



NG NĂM 2020



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 856,065 km²
Dân số trung bình: 54.592 người
Mật độ dân số: 64 người/km²

VỊ TRÍ

Bắc Mê là huyện vùng sâu, vùng xa của tỉnh Hà Giang, cách thành phố Hà Giang 53 km về phía Đông.
Phía Bắc giáp huyện Yên Minh;
Phía Đông giáp huyện Bảo Lâm (tỉnh Cao Bằng);
Phía Tây giáp huyện Vị Xuyên;
Phía Nam giáp huyện Na Hang và huyện Lâm Bình (tỉnh Tuyên Quang).

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bắc Mê có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Yên Phú (huyện lỵ) và 12 xã: Đường Âm, Đường Hồng, Giáp Trung, Lạc Nông, Minh Ngọc, Minh Sơn, Phiêng Luông, Phú Nam, Thượng Tân, Yên Cường, Yên Định, Yên Phong.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN 2030

- 1 Tổng vốn đầu tư t
5.000 tỷ đồng.
- 2 Thu ngân sách nhà
tỷ đồng.
- 3 Thu nhập bình
đồng/người/năm.
- 4 Tổng sản lượng lươ
tấn.
- 5 Giá trị sản phẩm th
hàng năm đạt 60 t
- 6 Tỷ trọng giá trị chấ
nghiệp đạt 36,5%.
- 7 Tỷ lệ đô thị hóa 28
- 8 Thu hút 150 nghìn
- 9 Tỷ lệ hộ nghèo giảm
- 10 Số xã đạt chuẩn
- 11 Tỷ lệ hộ dân
hoạt 9
- 12



Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc. Đẩy mạnh liên kết, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực co phát triển kinh tế - xã hội.

Bảo đảm quốc phòng - an ninh, phấn đấu xây dựng huyện Bắc Mê, đến năm 2025 phát triển về nông nghiệp hàng hóa, du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2030 thoát khỏi huyện nghèo, đến năm 2045 là huyện phát triển khá của tỉnh.

Đàn xã hội cả nhiệm kỳ đạt

nước trên địa bàn đạt 305,5

quân đầu người 42 triệu

ng thực có hạt đạt 3,26 vạn

hu hoạch/1 ha đất trồng cây
triệu đồng/năm.

án nuôi/giá trị sản xuất nông

%.

lượt khách du lịch.

m bình quân 4%/năm.

n nông thôn mới (lũy kế) 6 xã.

n cư được sử dụng điện sinh
9%.

Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến
trung tâm được cứng
hóa 100%.

13 Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,4%.

14 Tỷ lệ lao động qua đào tạo 65%; tỷ lệ lao động
có việc làm sau đào tạo trên 80%.

15 Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia 61,5%.

16 Tỷ lệ che phủ rừng 63,5%.

17 Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh của cư dân
trung tâm thị trấn 100%, nông thôn 96%.

18 Khu vực trung tâm thị trấn thực hiện tốt việc
thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt 99%; trung
tâm các xã 95%.

19 Hằng năm, trên 95% tổ chức cơ sở Đảng xếp
loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

20 Hằng năm, trên 95% đảng viên xếp loại hoàn
thành tốt nhiệm vụ trở lên.

21 Trên 95% xã, thị trấn, cơ quan đạt chuẩn an
toàn về an ninh trật tự.



BAC ME

HUYỆN HOÀNG SU PHÌ

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng - an ninh, phấn đấu đưa huyện Hoàng Su Phì phát triển nhanh, bền vững.

Đại hội Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì thông qua 18 chỉ tiêu chủ yếu, 5 nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá trong nhiệm kỳ 2020 – 2025

5 nhiệm vụ trọng tâm:

- 1 Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, đẩy mạnh cải cách hành chính.
- 2 Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng NTM, xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo sinh kế nâng cao đời sống người dân.
- 3 Thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng.
- 4 Đẩy mạnh phát triển du lịch.
- 5 Đảm bảo công tác Quốc phòng - An ninh.

3 đột phá gồm:

- 1 Phát triển hạ tầng nông thôn và du lịch;
- 2 Nâng cao giá trị cây chè;
- 3 Giải quyết việc làm tăng thu nhập cho nhân dân.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 776,588 km²

Dân số trung bình: 97.553 người

Mật độ dân số: 126 người/km²

VỊ TRÍ

Hoàng Su Phì là huyện biên giới phía Tây của tỉnh Hà Giang nằm trên thượng nguồn sông Chảy và sông Bạc, cách thành phố Hà Giang 100km về phía Tây.

Phía Bắc giáp Trung Quốc;

Phía Tây giáp huyện Xín Mần;

Phía Đông giáp huyện Vị Xuyên;

Phía Đông Nam và Nam giáp các huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang.



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Hoàng Su Phì có 24 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 23 xã (Bản Luốc, Bản Máy, Bản Nhùng, Bản Phùng, Chiến Phố, Đản Ván, Hồ Thầu, Nam Sơn, Nậm Đôn, Nậm Dịch, Nậm Khòa, Nậm Ty, Ngàm Đăng Vài, Phố Lồ, Pờ Ly Ngài, Sán Sả Hồ, Tả Sử Choóng, Tân Tiến, Thành Tín, Thèn Chu Phìn, Thông Nguyên, Tụ Nhân, Túng Sán) và thị trấn Vinh Quang.

HUYỆN XÍN MẦN

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 587,022 km²
Số trung bình: 67.999 người
Mật độ dân số: 116 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Xín Mần có 18 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 17 xã (Bản Dịu, Bản Ngò, Chế Là, Chí Cà, Cốc Rế, Khuôn Lùng, Nà Chì, Nấm Dẩn, Nàn Ma, Nàn Xỉn, Pà Vây Sủ, Quảng Nguyên, Tả Nhìu, Thèn Phàng, Thu Tà, Trung Thịnh, Xín Mần) và thị trấn Cốc Pài.

VỊ TRÍ

Xín Mần là một huyện miền núi biên giới cách thành phố Hà Giang 150km về phía Tây, có tọa độ 22°33'30"-22°48'31" vĩ Bắc, 104°22'30" - 104°37'30" kinh Đông. Phía Bắc giáp huyện Mã Quan, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Phía Nam giáp huyện Quang Bình; Phía Đông giáp huyện Hoàng Su Phì; Phía Tây giáp huyện Xi Ma Cai và huyện Bắc Hà (Lào Cai)



Phấn đấu đến năm 2025 huyện Xín Mần giảm nghèo nhanh, bền vững; đến năm 2030 thoát khỏi huyện đặc biệt khó khăn. Đến năm 2045 là huyện phát triển khá trong các huyện biên giới tỉnh.

1. Cơ cấu kinh tế của huyện: Nông, lâm nghiệp 41,5%. Thương mại, dịch vụ 38,5%. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 20%.
2. Thu nhập bình quân đầu người 45 triệu đồng/người/năm.
3. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn 4.160 tỷ đồng.
4. Thu ngân sách trên địa bàn 132 tỷ đồng.
5. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 20%.
6. Tỷ trọng giá trị chăn nuôi/giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 20%.
7. Thu hút khách du lịch 200 nghìn lượt người.
8. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 6%.
9. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế) 06 xã; 100% xã đạt trên 12 tiêu chí nông thôn mới.
10. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%.
11. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 60%.
12. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,52%.
13. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 99%.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

- 14. 100% thôn có đường bê tông đến thôn đạt chuẩn nông thôn mới.
- 15. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 60%.
- 16. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96%.
- 17. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đạt 95%.
- 18. Tỷ lệ xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự 95%.
- 19. Hằng năm, 90% tổ chức cơ sở Đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 95% Đảng viên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.



HUYỆN BẮC QUANG

VỊ TRÍ

Bắc Quang là huyện cửa ngõ phía Nam đầu tiên của Hà Giang, nằm trên quốc lộ 2 cách thị xã Hà Giang 60 km về phía Bắc. Vị trí địa lý của huyện nằm trong tọa độ từ 22°10' đến 22°36' vĩ độ Bắc và từ 104°43' đến 105°07' kinh độ Đông

Địa giới hành chính:

Phía Đông giáp huyện Hàm Yên - Tuyên Quang.

Phía Nam giáp huyện Lục Yên - Yên Bái.

Phía Tây giáp với huyện Quanh Bình.

Phía Bắc giáp với huyện Vị Xuyên của Hà Giang.



DIỆN TÍCH &

Diện tích: 1.105

Dân số trung bình: 1

Mật độ dân số: 10

DÂN SỐ

5,644 km²

118.690 người

7 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bắc Quang có 23 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm 21 xã và 2 thị trấn: Tân Thành, Tân Quang, Tân Lập, Đồng Tâm, Việt Vinh, Việt Hồng, Tiên Kiều, Vĩnh Hảo, Vĩnh Phúc, Đồng Yên, Đông Thành, Hùng An, Quang Minh, Vô Điểm, Kim Ngọc, Bằng Hành, Liên Hiệp, Hữu Sản, Đức Xuân, Đồng Tiến, Thượng Bình, thị trấn Việt Quang, thị trấn Vĩnh Tuy.



BẮC QUANG

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN

Xây dựng huyện Bắc Quang trở thành huyện đi đầu trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh; phấn đấu năm 2025 là huyện nông thôn mới, gắn với phát triển đô thị.

Đến năm 2030 là huyện đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, đến năm 2045 là đô thị cửa ngõ phía nam tỉnh Hà Giang.

Môi Trường

1. Giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định 66,3%.
2. Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh 100%
3. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh 99%.

Đảng - Chính Trị

1. Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hàng năm đạt từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 90%
2. Tỷ lệ Đảng viên hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 95%.
3. Tỷ lệ xã, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: 95%.



Kinh Tế

1. Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm.
2. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 11.878 tỷ đồng.
3. Thu ngân sách trên địa bàn: 250 tỷ đồng.
4. Tỷ lệ đô thị hóa: 35%
5. Giá trị sản xuất/ha đất canh tác: 73 triệu đồng.
6. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp: 35%.
7. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: 62,5%.
8. Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản: 2.500 tỷ đồng.
9. Giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng: 1.330 tỷ đồng.
10. Sản lượng lương thực có hạt: 55.720 tấn.
11. Tổng mức luân chuyển hàng hóa dịch vụ: 3.524 tỷ đồng.
12. Thu hút khách du lịch: 150.000 lượt khách.

Xã Hội

1. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 2%
2. 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
3. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 3 xã
4. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 1 xã
5. Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 65%
6. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: 70%
7. Tỷ lệ duy trì sĩ số học sinh: 98,6%.
8. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1%
9. Tỷ lệ xã, thị trấn triển khai mô hình phòng khám bác sỹ gia đình 100%.
10. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 98%.
11. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) giảm còn: 10,2%.
12. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (chiều cao/tuổi) giảm còn 16%.
13. Duy trì số xã, thị trấn có bác sỹ làm việc tại trạm y tế: 23 xã.
14. Duy trì xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã: 23 xã.
15. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn hóa đạt 91,5%.
16. Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 88,5%.
17. Tỷ lệ xã, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự 95%.

HUYỆN QUANG BÌNH

VỊ TRÍ

Quang Bình là huyện vùng thấp, nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Hà Giang, là huyện động lực của tỉnh, nằm trên trục đường quốc lộ 279.

Phía Bắc giáp huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần.

Phía Đông giáp huyện Bắc Quang.

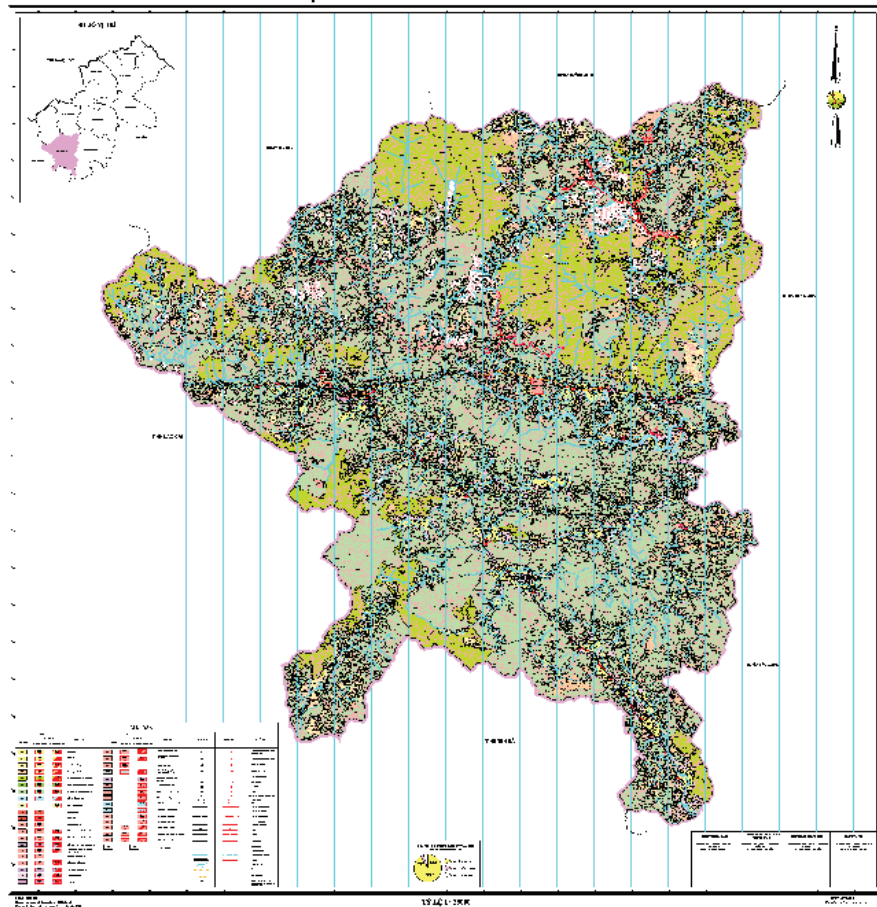
Phía Nam giáp với một phần của huyện Bắc Quang và huyện Lục Yên (tỉnh Yên Bái).

Phía tây giáp với huyện Bảo Yên (tỉnh Lào Cai).

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Toàn huyện có 15 đơn vị hành chính, bao gồm 14 xã (Bản Rịa, Bằng Lang, Hương Sơn, Nà Khương, Tân Bắc, Tân Nam, Tân Trinh, Tiên Nguyên, Tiên Yên, Vĩ Thượng, Xuân Giang, Xuân Minh, Yên Hà, Yên Thành) và thị trấn Yên Bình.

**BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
HUYỆN QUANG BÌNH - TỈNH HÀ GIANG**



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 791,783 km²

Dân số trung bình: 61.711 người

Mật độ dân số: 78 người/km²

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Phấn đấu đến năm 2025 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, năm 2030 là huyện nông thôn mới nâng cao, năm 2045 là huyện nằm trong TOP dẫn đầu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang.

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 130 tỷ đồng
2. Thu nhập bình quân đầu người đạt 60 triệu đồng/người/năm.
3. Giá trị sản phẩm thu hoạch/1ha diện tích đất trong cây hàng năm đạt 80 triệu đồng.
4. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4%.
5. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,2%.
6. Duy trì 15 xã, thị trấn đạt chuẩn bộ tiêu chí Quốc gia về y tế
7. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có việc làm 70%
8. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 80%
9. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chí văn hóa đạt 85%
10. Thu hút 40.000 lượt khách du lịch.
11. Phấn đấu 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới, huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.
12. Tỷ lệ đô thị hóa 25%.
13. Tỷ lệ hộ dân cư được sử dụng điện nước thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt trên 98%.
14. Tỷ lệ hộ dân cư được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%.
15. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt 98%.
16. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 70%.
17. Trên 95% xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.
18. Hằng năm có 95% Đảng viên, 90% tổ chức cơ sở Đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN SỞ BAN NGÀNH TẠI TỈNH HÀ GIANG

TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	WEBSITE	LIÊN HỆ
Văn phòng UBND tỉnh	Số 01 đường Đội Cấn, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	http://vanphong.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219.3866.204 Fax: 0219.3866.204 Email: vpubnd@hagiang.gov.vn
Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Giang	Số 5, đường 20/8, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	https://ubmttq.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219.3860.912 Fax: 0219.3866.266 Email: ubmttq@hagiang.gov.vn
Sở Y tế	Số 338, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	http://ytehagiang.org.vn/	Điện thoại: 02193.866.475
Sở Xây dựng	Số 420, Đường Nguyễn Trãi, Tổ 9, Phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	http://sxd.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193 866 229
Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Tổ 5, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	https://svhttdl.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: (02193.866.427 Fax: 02193.862.515 Email: svhttdl@hagiang.gov.vn
Sở Thông tin và Truyền thông	Số 222, Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	https://sttt.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.860.988 Email: btt.thongtin@hagiang.gov.vn
Sở Tư pháp	Phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	https://stp.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.866.415 Fax: 02193.866.415 Email: btt.thongtin.stp@hagiang.gov.vn
Sở Tài nguyên và Môi trường	Đường Trần Hưng Đạo, TP Hà Giang	http://stnmt.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219.3866458 Fax: 0219.3868912 Email: stnmt@hagiang.gov.vn
Sở Tài chính	Số 6, Đường Bạch Đằng, Phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	http://stc.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.866385 Fax: 02193.867254 Email: stchagiang@mof.gov.vn
Sở Tài nguyên và Môi trường	Đường Trần Hưng Đạo - TP Hà Giang	http://stnmt.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219.3866458 Fax: 0219.3868912 E-mail: stnmt@hagiang.gov.vn
Sở Ngoại vụ	số 198, đường Trần Phú, phường Minh Khai, TP Hà Giang	https://songoaivu.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.866.533 Fax: 02193.866.942 Email: sngv@hagiang.gov.vn
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	số 196, đường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Giang	https://snnpnt.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219.3866353 Fax: 0219.3866.446 Email: snnpnt@hagiang.gov.vn
Sở Nội vụ	Đường 26/3, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang	https://snv.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.867.833 Fax: 02193.867.833 Email: banbientap.snv@hagiang.gov.vn
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Số 3, Yết Kiêu, phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hà Giang	https://sldtbxh.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.866.339 Email: vps.sldtbxh@hagiang.gov.vn
Sở Khoa học và Công nghệ	Số 63 - Lê Quý Đôn, Phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	https://skhcn.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.868.572 Fax: 02193.866.192 Email: skhcn@hagiang.gov.vn
Sở Kế hoạch và Đầu tư	Số 188, đường Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	http://skhdt.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219.3866.256 Fax: 0219.3867.623 Email: skhdt@hagiang.gov.vn
Sở Giao thông vận tải	Phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	https://sgtvt.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 02913.866289 Fax: 02193. 868979 Email: sgtvt@hagiang.gov.vn
Sở Giáo dục và Đào tạo	Số 2 Yết Kiêu, P. Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	http://hagiang.edu.vn/	Điện thoại: 02193866344 Fax: 02193866148 Email: banbientap@hagiang.edu.vn
Sở Công Thương	Số 7, Tổ 6, đường Yết Kiêu, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang	https://sct.hagiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193887475 Fax: 02193886621 Email: sct@hagiang.gov.vn
Công an tỉnh Hà Giang	Số 28, phố Phan Chu Trinh, Phường Minh Khai, TP Hà Giang	https://congan.hagiang.gov.vn/	Email: banbientap.ca@hagiang.gov.vn

DANH SÁCH CÁC CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ QUẬN, HUYỆN TẠI TỈNH HÀ GIANG

TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	WEBSITE	LIÊN HỆ
Thành phố Hà Giang	Đường Nguyễn Thái Học Phường Trần Phú, TP Hà Giang	https://thanhpho.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193 509 819 Fax : 02193 861 315
Huyện Xín Mần	Thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	https://xinman.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.836.134 Email: banbientap.xm@hangiang.gov.vn
Huyện Quang Bình	Tổ 2, đường Trần Phú, thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang	https://quangbinh.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.820.012 Email: banbientap.qb@hangiang.gov.vn
Huyện Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc tỉnh Hà Giang	https://meovac.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219.3871.696 Email: banbientap.mv@hangiang.gov.vn
Huyện Đồng Văn	Thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang	https://dongvan.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219.3856.494 Email: banbientap.dv@hangiang.gov.vn
Huyện Bắc Mê	Số 822, đường Quang Trung, thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê	https://bacme.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.841.644 Email: banbientap.bm@hangiang.gov.vn.
Huyện Yên Minh	Thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang	https://yenminh.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.852.032 Email: banbientap.ym@hangiang.gov.vn
Huyện Vị Xuyên	Thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	https://vixuyen.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 02193.826.202 Email: banbientap.vx@hangiang.gov.vn
Huyện Quản Bạ	Thị trấn Tam Sơn, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	https://quanba.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219.3846.746 Email: banbientap.qba@hangiang.gov.vn
Huyện Hoàng Su Phì	Thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang	https://hoangsuphi.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219.3831.106 Email: banbientap.hsp@hangiang.gov.vn
Huyện Bắc Quang	Tổ 4, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, Hà Giang	https://bacquang.hangiang.gov.vn/	Điện thoại: 0219 3821 456 Email: dientubacquang@gmail.com



TÀI TH



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025

<https://bit.ly/38yhb5Y>

<https://bit.ly/2OLJ2b1>

<https://bit.ly/3bGfWnb>

Nội dung:

Thành phố Hà Giang

Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Giang lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025:

<https://bit.ly/3rGGydm>

Huyện Đồng Văn:

Nội dung Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/30CFtY8>

Huyện Mèo Vạc:

Nội dung Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mèo Vạc lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/3rG5Ylb>

Huyện Yên Minh:

Nội dung Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Yên Minh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/3bHfzc9>

Huyện Quản Bạ:

Nội dung Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Quản Bạ lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/30DHUJP>

Huyện Vị Xuyên:

Nội dung Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Vị Xuyên lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/3bD19tu>

Huyện Bắc Mê:

Nội dung Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Mê lần thứ X, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/3bEwbRG>

Huyện Hoàng Su Phì:

Nội dung Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/30EHDxf>

Huyện Xí Mần:

Nội dung Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Xí Mần lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/2PZbAz9>

Huyện Bắc Quang:

Nội dung Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Quang lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/3qHU4Mt>

Huyện Quang Bình:

Nội dung Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Quang Bình lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/3rG9J0f>

LIỆU

AM

KHẢO



" Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Hà Giang "
Trích Kết quả sơ bộ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019
của Cục Thống kê tỉnh Hà Giang

Đơn vị hành chính	Diện tích (km²)	Mật độ dân số (Người/km²)	Dân số trung bình
Hà Giang	7.929,483	108	854.679
Thành phố Hà Giang	133,459	416	55.559
Huyện Đồng Văn	451,712	181	81.880
Huyện Mèo Vạc	574,182	150	86.071
Huyện Yên Minh	776,588	126	97.553
Huyện Quản Bạ	542,238	99	53.476
Huyện Vị Xuyên	1.478,409	75	110.465
Huyện Bắc Mê	856,065	64	54.592
Huyện Hoàng Su Phì	632,381	105	66.683
Huyện Xí Mần	587,022	116	67.999
Huyện Bắc Quang	1.105,644	107	118.690
Huyện Quang Bình	791,783	78	61.711

